

THỐNG KÊ KIỂM SÁT VIỆC TẠM GIỮ, TẠM GIAM VÀ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

*Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm
 (áp dụng cho kỳ thống kê tháng, 6 tháng, 12 tháng)*

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
I. Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam		
1. Số liệu		
1.1. Tạm giữ		
Số tạm giữ còn lại của kỳ trước	1	
Số người mới bị tạm giữ	2	
<i>Trong đó:</i> - Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp	3	
- Người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang	4	
- Người bị bắt theo quyết định truy nã	5	
- Người phạm tội tự thú	6	
- Người phạm tội đầu thú	7	
Số nơi khác chuyển đến	8	
Số chuyển đi nơi khác	9	
Tổng số người bị tạm giữ	10	
Số đã giải quyết	11	
<i>Trong đó:</i> - Số khởi tố chuyển tạm giam	12	
- Số khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn khác	13	
- Số truy nã chuyển tạm giam	14	
- Số tạm giữ được trả tự do	15	
<i>Tr.đó:</i> + Số người Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định tạm giữ	16	
+ Số người Viện kiểm sát không phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ	17	
+ Số người Viện kiểm sát không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp	18	
+ Số người không đủ căn cứ khởi tố bị can	19	
+ Số người trả tự do trong thời gian chờ kết quả giám định, định giá	20	
+ Số người trả tự do do bị hại hoặc người đại diện của bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố	21	
- Số tạm giữ được VKS trả tự do theo quy định của Luật tổ chức VKSND, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam	22	
Số quá hạn tạm giữ đã giải quyết	23	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
Số người tạm giữ chết	24	
<i>Trong đó:</i> - Chết do bệnh lý	25	
- Chết do tự sát	26	
- Chết do nguyên nhân khác	27	
Số người tạm giữ trốn trong kỳ thống kê	28	
<i>Trong đó:</i> Số trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được	29	
Số người còn tạm giữ đến cuối kỳ thống kê	30	
<i>Trong đó:</i> Số quá hạn tạm giữ	31	
1.2. Tạm giam		
Số tạm giam còn lại của kỳ trước	32	
Số người mới bị tạm giam	33	
<i>Trong đó:</i> - Số người tạm giữ chuyển tạm giam	34	
- Số người Cơ quan điều tra ra lệnh bắt để tạm giam	35	
- Số người VKS ra lệnh bắt để tạm giam	36	
- Số người Tòa án sơ thẩm ra lệnh bắt để tạm giam	37	
- Số người bị kết án đang tại ngoại tự nguyện hoặc bị áp giải để thi hành án	38	
Số nơi khác chuyển đến	39	
<i>Trong đó:</i> - Số chuyển đến để làm thủ tục chấp hành án	40	
- Số chuyển đến để xét xử phúc thẩm	41	
Số chuyển đi nơi khác	42	
<i>Trong đó:</i> - Số chuyển đi để làm thủ tục chấp hành án	43	
- Số chuyển đi để xét xử phúc thẩm	44	
Tổng số người bị tạm giam	45	
Số người bị tạm giam đã giải quyết	46	
<i>Trong đó:</i> - Huỷ bỏ biện pháp tạm giam	47	
- Thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác	48	
- Trả tự do khi bị can có quyết định đình chỉ	49	
<i>Tr.đó:</i> Số trả tự do chuyển xử lý hành chính, xử lý kỷ luật	50	
- Hội đồng xét xử trả tự do	51	
<i>Tr.đó:</i> + Bị cáo không phạm tội	52	
+ Bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự hoặc được miễn hình phạt	53	
+ Bị cáo bị xử phạt bằng hình phạt không phải là hình phạt tù	54	
+ Bị cáo bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo	55	
+ Bị cáo bị phạt tù mà thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời gian đã bị tạm giam	56	
- Trả tự do khi hết án trong thời gian kháng cáo, kháng nghị	57	
- Hết thời hạn tù trong thời gian chờ quyết định chuyển đi chấp hành án	58	
- Số tạm giam được VKS trả tự do theo quy định của Luật tổ chức VKSND, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam	59	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
- Số người đang chờ đưa đi chấp hành án phạt tù được tạm đình chỉ chấp hành án	60	
- Số người chuyển chấp hành án	61	
- Số đã thi hành án tử hình	62	
- Bắt buộc chữa bệnh	63	
Tổng số người đang áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tính đến cuối kỳ thống kê	64	
Số quá hạn tạm giam đã giải quyết	65	
<i>Trong đó:</i> - Thuộc trách nhiệm của Cơ quan điều tra	66	
- Thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát	67	
- Thuộc trách nhiệm của Tòa án	68	
Số người bị tạm giam chết	69	
<i>Trong đó:</i> - Chết do tự sát	70	
- Chết do bệnh lý	71	
- Chết do các nguyên nhân khác	72	
Số người bị tạm giam trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê	73	
<i>Trong đó:</i> Số trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được	74	
Số người còn bị tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê	75	
<i>Trong đó:</i> - Số còn tạm giam trong giai đoạn điều tra	76	
- Số còn tạm giam trong giai đoạn truy tố	77	
- Số còn tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm	78	
- Số còn tạm giam trong giai đoạn xét xử phúc thẩm	79	
- Số còn tạm giam chờ chuyển đến nơi chấp hành án	80	
- Số còn tạm giam đã quá hạn	81	
<i>Tr.đó:</i> + Thuộc trách nhiệm của Cơ quan điều tra	82	
+ Thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát	83	
+ Thuộc trách nhiệm của Tòa án	84	
- Số bị án tử hình đang tạm giam	85	
2. Hoạt động kiểm sát		
Số lần Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát nhà tạm giữ có kết luận	86	
Số lần Viện kiểm sát kiểm sát đột xuất nhà tạm giữ	87	
Số lần Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát trại tạm giam có kết luận	88	
Số lần Viện kiểm sát kiểm sát đột xuất trại tạm giam	89	
Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu tự kiểm tra việc tạm giữ, tạm giam	90	
Số lần Viện kiểm sát yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam	91	
Số lần Viện kiểm sát yêu cầu thông báo tình hình tạm giữ, tạm giam	92	
Số lần Viện kiểm sát yêu cầu trả lời về quyết định, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam	93	
Số hồ sơ tạm giữ, tạm giam VKS đã kiểm sát	94	
Số lần VKS gặp hỏi người bị tạm giữ, tạm giam	95	
Số bản kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm trong việc tạm giữ, tạm giam	96	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
Số bản kiến nghị được chấp nhận sửa chữa	97	
Số bản kiến nghị không được chấp nhận sửa chữa	98	
Số bản kháng nghị yêu cầu khắc phục vi phạm trong việc tạm giữ, tạm giam	99	
<i>Trong đó:</i> - Số kháng nghị của VKS với cơ quan cùng cấp yêu cầu đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam	100	
- Số kháng nghị của VKS với cơ quan cùng cấp yêu cầu hủy bỏ các quyết định vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam	101	
- Số kháng nghị của VKS với cơ quan cấp dưới yêu cầu đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam	102	
- Số kháng nghị của VKS với cơ quan cấp dưới yêu cầu hủy bỏ các quyết định vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam	103	
Số bản kháng nghị được chấp nhận sửa chữa	104	
Số bản kháng nghị không được chấp nhận sửa chữa	105	
Số cuộc kiểm sát việc thực hiện kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu đã có kết luận	106	
II. Kiểm sát thi hành án hình sự		
1. Kết quả ban hành và thực hiện quyết định thi hành án		
1.1. Về ban hành quyết định thi hành án		
Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án chưa ra quyết định thi hành án kỳ trước chuyển qua	107	
<i>Trong đó:</i> Số pháp nhân thương mại bị kết án	108	
Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án mới phát sinh trong kỳ chưa ra quyết định thi hành án	109	
<i>Trong đó:</i> Số pháp nhân thương mại bị kết án	110	
Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án nhận uỷ thác ra quyết định thi hành án	111	
<i>Trong đó:</i> Số pháp nhân thương mại bị kết án	112	
Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án uỷ thác đi nơi khác ra quyết định thi hành án	113	
<i>Trong đó:</i> Số pháp nhân thương mại bị kết án	114	
Tổng số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án Tòa án phải ra quyết định thi hành án	115	
<i>Trong đó:</i> - Số người bị kết án tù chung thân phải ra quyết định thi hành án	116	
- Số người bị kết án tù có thời hạn phải ra quyết định thi hành án	117	
- Số pháp nhân thương mại bị kết án phải ra quyết định thi hành án	118	
Số người bị kết án chết khi chưa có quyết định thi hành án	119	
Số người chưa có quyết định thi hành án phạm tội mới	120	
<i>Trong đó:</i> - Số người bị tuyên phạt CTKGG	121	
- Số người bị tuyên phạt tù nhưng cho hưởng án treo	122	
- Số người bị tuyên phạt tù có thời hạn đang tại ngoại	123	
Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê	124	
<i>Trong đó:</i> - Số người bị kết án tù chung thân đã ra quyết định thi hành án	125	
- Số người bị kết án tù có thời hạn đã ra quyết định thi hành án	126	
- Số pháp nhân thương mại bị kết án đã ra quyết định thi hành án	127	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án Toà án chưa ra quyết định thi hành án	128	
<i>Trong đó:</i> - Đã quá hạn luật định	129	
- Số người bị kết án tù chung thân chưa ra quyết định thi hành án	130	
- Số người bị kết án tù có thời hạn chưa ra quyết định thi hành án	131	
- Số pháp nhân thương mại bị kết án chưa ra quyết định thi hành án	132	
1.2. Về thực hiện quyết định thi hành án		
Số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án của kỳ thống kê trước nhưng chưa đưa đi thi hành án	133	
Số đã có quyết định thi hành án nơi khác chuyển đến	134	
Số đã có quyết định thi hành án chuyển đi nơi khác	135	
Tổng số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án phải đưa đi thi hành án	136	
Số người chấp hành án được Toà án giám đốc thẩm huỷ án, tuyên không phạm tội	137	
Số người chấp hành án được Toà án tái thẩm huỷ án, tuyên không phạm tội	138	
Số người chấp hành án được hoãn chấp hành án trong kỳ thống kê	139	
Số người chấp hành án được tạm đình chỉ chấp hành án trong kỳ thống kê	140	
Số người chấp hành án được miễn chấp hành hình phạt	141	
<i>Trong đó:</i> Số người được miễn chấp hành hình phạt tù	142	
Số người chấp hành án được hưởng thời hiệu	143	
<i>Trong đó:</i> Số người chấp hành án phạt tù được hưởng thời hiệu	144	
Số người chấp hành án chết sau khi có quyết định thi hành án nhưng chưa đi thi hành án	145	
Số người chấp hành án trốn sau khi có quyết định thi hành án nhưng chưa đi thi hành án trong kỳ thống kê	146	
Số người đã có quyết định thi hành án phạm tội mới	147	
<i>Trong đó:</i> - Số người bị tuyên phạt CTKGG	148	
- Số người bị tuyên phạt tù nhưng cho hưởng án treo	149	
- Số người bị tuyên phạt tù có thời hạn đang tại ngoại	150	
Số người chấp hành án đã đi thi hành án	151	
<i>Trong đó:</i> - Số người chấp hành án tù chung thân đã đi thi hành án	152	
- Số người chấp hành án tù có thời hạn đã đi thi hành án	153	
Số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án còn lại chưa đi thi hành án	154	
<i>Trong đó:</i> - Số người chấp hành án tù chung thân chưa đi thi hành án	155	
<i>Tr.đó:</i> + Số người chấp hành án tù chung thân chưa đi thi hành án trốn chưa bắt lại tính đến cuối kỳ thống kê	156	
- Số người chấp hành án tù có thời hạn chưa đi thi hành án	157	
<i>Tr.đó:</i> + Số người chấp hành án tù có thời hạn chưa đi thi hành án trốn chưa bắt lại tính đến cuối kỳ thống kê	158	
+ Số người chấp hành án tù có thời hạn đang được tạm đình chỉ chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê	159	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
Tổng số người được hoãn chấp hành án	160	
<i>Trong đó:</i> - Số người được hoãn chấp hành án chết trong thời gian được hoãn chấp hành án	161	
- Số người được hoãn chấp hành án được miễn chấp hành hình phạt trong thời gian được hoãn chấp hành án	162	
- Số người được hoãn chấp hành án bị Tòa án có thẩm quyền hủy quyết định hoãn chấp hành án	163	
Số đã hết thời hạn hoãn chấp hành án	164	
<i>Trong đó:</i> - Số đã đi chấp hành án	165	
- Số chưa đi chấp hành án	166	
Tổng số người chấp hành án phạt tù có thời hạn đang được hoãn chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê	167	
2. Kết quả thi hành án phân tích theo hình phạt		
2.1. Tử hình		
Số người bị kết án đã có quyết định thi hành án kỳ thống kê trước chuyển sang	168	
Số người bị kết án mới có quyết định thi hành án	169	
Tổng số người bị kết án tử hình đã có quyết định thi hành án	170	
Số người bị kết án hoãn thi hành án tử hình trong kỳ thống kê	171	
Số người bị kết án đã có quyết định thi hành án được giảm xuống hình phạt khác	172	
Số người bị kết án đã có quyết định thi hành án chết trong kỳ thống kê	173	
Số người bị kết án đã có quyết định thi hành án trốn trong kỳ thống kê	174	
Số đã thi hành án tử hình trong kỳ thống kê	175	
Số người bị kết án đã có quyết định thi hành án còn lại chưa thi hành án tính đến cuối kỳ thống kê	176	
<i>Trong đó:</i> - Số người được hoãn thi hành án tử hình tính đến cuối kỳ thống kê	177	
- Số người đã có quyết định thi hành án trốn chưa bắt lại tính đến cuối kỳ thống kê	178	
2.2. Tù chung thân		
Số phạm nhân kỳ thống kê trước chuyển sang	179	
Số phạm nhân mới	180	
Số nơi khác chuyển đến	181	
<i>Trong đó:</i> Số phạm nhân trả trích xuất	182	
Số chuyển đi nơi khác	183	
<i>Trong đó:</i> Số phạm nhân đã trích xuất	184	
Tổng số phạm nhân	185	
<i>Trong đó:</i> Số phạm nhân đã giảm án xuống tù có thời hạn	186	
Số phạm nhân chết	187	
<i>Trong đó:</i> - Chết do tự sát	188	
- Chết do bệnh lý	189	
- Chết do các nguyên nhân khác	190	
Số phạm nhân trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được	191	
Số phạm nhân giảm xuống tù có thời hạn đã chấp hành xong	192	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
<i>Trong đó:</i> Số phạm nhân được đặc xá	193	
Số phạm nhân được Tòa án trả tự do	194	
Số phạm nhân đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê	195	
Số phạm nhân trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê	196	
2.3. Tù có thời hạn		
Số phạm nhân kỳ thống kê trước chuyển sang	197	
Số phạm nhân đến chấp hành án do bị Tòa án hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện và buộc người đó tiếp tục thi hành án	198	
Số phạm nhân mới	199	
Số nơi khác chuyển đến	200	
<i>Trong đó:</i> Số phạm nhân trả trích xuất	201	
Số chuyển đi nơi khác	202	
<i>Trong đó:</i> Số phạm nhân đã trích xuất	203	
Tổng số phạm nhân	204	
Số phạm nhân đã chấp hành án xong	205	
<i>Trong đó:</i> Số phạm nhân được đặc xá	206	
Số phạm nhân được tha tù trước thời hạn có điều kiện	207	
Số phạm nhân được VKS trả tự do theo quy định của Luật tổ chức VKSND, Luật thi hành án hình sự	208	
Số phạm nhân được Tòa án trả tự do	209	
Số phạm nhân chết	210	
<i>Trong đó:</i> - Chết do tự sát	211	
- Chết do bệnh lý	212	
- Chết do các nguyên nhân khác	213	
Số phạm nhân trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê	214	
<i>Trong đó:</i> Số phạm nhân trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được	215	
Số phạm nhân áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong kỳ thống kê	216	
Tổng số phạm nhân đang áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tính đến cuối kỳ thống kê	217	
Số phạm nhân đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê	218	
<i>Trong đó:</i> - Số phạm nhân đang chấp hành án tại trại tạm giam	219	
- Số phạm nhân đang chấp hành án tại nhà tạm giữ	220	
Số phạm nhân được tạm đình chỉ chấp hành án trong kỳ thống kê	221	
Số tạm đình chỉ đã tiếp tục thi hành án	222	
Số tạm đình chỉ được miễn chấp hành án	223	
Số tạm đình chỉ chết	224	
Số tạm đình chỉ trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được	225	
Tổng số tạm đình chỉ trốn đến cuối kỳ thống kê chưa bắt lại được	226	
Tổng số phạm nhân được tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê	227	
<i>Trong đó:</i> Số đã hết thời hạn tạm đình chỉ	228	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
2.4. Án treo		
Số còn lại của kỳ trước	229	
Số mới	230	
Số nơi khác chuyển đến	231	
Số chuyển đi nơi khác	232	
Tổng số	233	
Số đã chấp hành xong	234	
Số Tòa án tuyên hủy bản án đã tuyên phạt án treo	235	
Số phạm tội mới	236	
Số án treo vi phạm nghĩa vụ bị buộc phải chấp hành hình phạt tù	237	
Số bị Tòa án tuyên hủy án treo chuyển sang tù giam	238	
Số đang thi hành án treo chết	239	
Số đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê	240	
2.5. Hình phạt trực xuất		
Số còn lại của kỳ trước	241	
Số mới	242	
Tổng số	243	
Số đã trực xuất	244	
Số còn lại chưa trực xuất tính đến cuối kỳ thống kê	245	
2.6. Cải tạo không giam giữ		
Số còn lại của kỳ trước	246	
Số mới	247	
Số nơi khác chuyển đến	248	
Số chuyển đi nơi khác	249	
Tổng số	250	
Số đã chấp hành xong	251	
Số được Tòa án Giám đốc thẩm, Tái thẩm tuyên hủy bản án đã tuyên phạt CTKGG	252	
Số phạm tội mới	253	
Số đang thi hành án phạt cải tạo không giam giữ chết	254	
Số đang thi hành án tính đến cuối kỳ thống kê	255	
2.7. Cấm cư trú		
Số còn lại của kỳ trước	256	
Số mới	257	
Tổng số	258	
Số đã chấp hành xong	259	
Số đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê	260	
2.8. Quản chế		
Số còn lại của kỳ trước	261	
Số mới	262	
Tổng số	263	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
Số đã chấp hành xong	264	
Số đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê	265	
2.9. Tước một số quyền công dân		
Số còn lại của kỳ trước	266	
Số mới	267	
Tổng số	268	
Số đã chấp hành xong	269	
Số đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê	270	
2.10. Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định		
Số còn lại của kỳ trước	271	
Số mới	272	
Tổng số	273	
Số đã chấp hành xong	274	
Số đang chấp hành án <i>tính đến cuối kỳ thống kê</i>	275	
3. Thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại		
3.1. Đình chỉ hoạt động có thời hạn		
Số pháp nhân thương mại chấp hành án chưa thi hành xong của kỳ thống kê trước chuyển sang	276	
Số pháp nhân thương mại chấp hành án mới phát sinh trong kỳ thống kê	277	
Tổng số pháp nhân thương mại chấp hành án	278	
Số pháp nhân thương mại đã chấp hành án xong	279	
Số pháp nhân thương mại chưa chấp hành án xong	280	
<i>Trong đó:</i> - Số pháp nhân thương mại không chấp hành quyết định thi hành án	281	
3.2. Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn		
Số pháp nhân thương mại chấp hành án chưa thi hành xong của kỳ thống kê trước chuyển sang	282	
Số pháp nhân thương mại chấp hành án mới phát sinh trong kỳ thống kê	283	
Tổng số pháp nhân thương mại chấp hành án	284	
Số pháp nhân thương mại đã chấp hành án xong	285	
Số pháp nhân thương mại chưa chấp hành án xong	286	
<i>Trong đó:</i> Số pháp nhân thương mại không chấp hành quyết định thi hành án	287	
3.3. Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định		
Số pháp nhân thương mại chấp hành án chưa thi hành xong của kỳ thống kê trước chuyển sang	288	
Số pháp nhân thương mại chấp hành án mới phát sinh trong kỳ thống kê	289	
Tổng số pháp nhân thương mại chấp hành án	290	
Số pháp nhân thương mại đã chấp hành án xong	291	
Số pháp nhân thương mại chưa chấp hành án xong	292	
<i>Trong đó:</i> Số pháp nhân thương mại không chấp hành quyết định thi hành án	293	
3.4. Cấm huy động vốn		
Số pháp nhân thương mại chấp hành án chưa thi hành xong của kỳ thống kê trước chuyển sang	294	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
Số pháp nhân thương mại chấp hành án mới phát sinh trong kỳ thống kê	295	
Tổng số pháp nhân thương mại chấp hành án	296	
Số pháp nhân thương mại đã chấp hành án xong	297	
Số pháp nhân thương mại chưa chấp hành án xong	298	
<i>Trong đó:</i> Số pháp nhân thương mại không chấp hành quyết định thi hành án	299	
3.5. Thi hành biện pháp tư pháp "Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; Buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra" áp dụng đối với pháp nhân thương mại		
Số pháp nhân thương mại chấp hành án chưa thi hành xong của kỳ thống kê trước chuyển sang	300	
Số pháp nhân thương mại chấp hành án mới phát sinh trong kỳ thống kê	301	
Tổng số pháp nhân thương mại chấp hành án	302	
Số pháp nhân thương mại đã chấp hành án xong	303	
Số pháp nhân thương mại chưa chấp hành án xong	304	
<i>Trong đó:</i> Số pháp nhân thương mại không chấp hành quyết định thi hành án	305	
4. Hoạt động kiểm sát thi hành án hình sự		
Số quyết định của Tòa án có vi phạm	306	
Số người bị kết án Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án ra quyết định thi hành án	307	
Số người bị kết án án Tòa án đã ra quyết định thi hành án theo yêu cầu của Viện kiểm sát	308	
Số người chấp hành án Viện kiểm sát đề nghị hoãn thi hành án	309	
Số người chấp hành án Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án theo đề nghị của VKS	310	
Số người chấp hành án Viện kiểm sát đề nghị miễn chấp hành hình phạt	311	
Số người chấp hành án Tòa án đã ra quyết định miễn chấp hành hình phạt theo đề nghị của Viện kiểm sát	312	
<i>Trong đó:</i> Số người chấp hành án phạt tù được miễn chấp hành án theo đề nghị của Viện kiểm sát	313	
Số người chấp hành án Viện kiểm sát đề nghị xét hưởng thời hiệu	314	
Số người chấp hành án Tòa án đã ra quyết định được hưởng thời hiệu theo đề nghị của VKS	315	
<i>Trong đó:</i> Số người chấp hành án phạt tù được hưởng thời hiệu theo đề nghị của VKS	316	
Số người chấp hành án Viện kiểm sát đề nghị đình chỉ thi hành án	317	
Số người chấp hành án Tòa án đã ra quyết định đình chỉ thi hành án theo đề nghị của VKS	318	
Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án tự kiểm tra và thông báo kết quả cho VKS	319	
Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án cung cấp tài liệu	320	
Số phạm nhân Viện kiểm sát đề nghị Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù	321	
Số người chấp hành án Viện kiểm sát đề nghị miễn chấp hành hình phạt còn lại trong thời gian người chấp hành án đang được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù	322	
Số người chấp hành án Viện kiểm sát yêu cầu Công an áp giải	323	
Số người chấp hành án Công an đã áp giải theo yêu cầu của VKS	324	
Số người chấp hành án Viện kiểm sát yêu cầu Công an truy nã	325	
Số người chấp hành án Công an đã truy nã theo yêu cầu của VKS	326	
Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp tự kiểm tra và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát	327	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới tự kiểm tra và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát	328	
Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp cung cấp tài liệu	329	
Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới cung cấp tài liệu	330	
Số lần Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp đã ban hành kết luận	331	
Số lần Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới đã ban hành kết luận	332	
Số lần kiểm sát đột xuất cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp	333	
Số lần kiểm sát đột xuất cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới	334	
Số hồ sơ thi hành án VKS đã kiểm sát	335	
Số bản kiến nghị cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp	336	
Số bản kiến nghị được chấp nhận sửa chữa	337	
Số bản kiến nghị không được chấp nhận sửa chữa	338	
Số bản kiến nghị cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới	339	
Số bản kiến nghị được chấp nhận sửa chữa	340	
Số bản kiến nghị không được chấp nhận sửa chữa	341	
Số bản kháng nghị cơ quan thi hành án cùng cấp	342	
<i>Trong đó:</i> - Số bản kháng nghị của VKS yêu cầu đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm pháp luật trong việc thi hành án hình sự	343	
- Số bản kháng nghị của VKS yêu cầu hủy bỏ các quyết định vi phạm pháp luật trong việc thi hành án hình sự	344	
Số bản kháng nghị được chấp nhận sửa chữa	345	
Số bản kháng nghị không được chấp nhận sửa chữa	346	
Số bản kháng nghị cơ quan thi hành án cấp dưới	347	
<i>Trong đó:</i> - Số bản kháng nghị của VKS yêu cầu đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm pháp luật trong việc thi hành án hình sự	348	
- Số bản kháng nghị của VKS yêu cầu hủy bỏ các quyết định vi phạm pháp luật trong việc thi hành án hình sự	349	
Số bản kháng nghị được chấp nhận sửa chữa	350	
Số bản kháng nghị không được chấp nhận sửa chữa	351	
Số lần VKS trực tiếp kiểm sát trực tiếp trại giam, phân trại quản lý phạm nhân thuộc trại tạm giam	352	
Số hồ sơ phạm nhân VKS đã kiểm sát	353	
Số lần VKS gặp hỏi phạm nhân	354	
Số bản kiến nghị đối với trại giam, trại tạm giam trong việc quản lý phạm nhân	355	
Số bản kiến nghị được chấp nhận sửa chữa	356	
Số bản kiến nghị không được chấp nhận sửa chữa	357	
Số bản kháng nghị đối với trại giam, trại tạm giam trong việc quản lý phạm nhân	358	
<i>Trong đó:</i> - Số bản kháng nghị của VKS với cơ quan cùng cấp yêu cầu đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm pháp luật trong việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù	359	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
- Số bản kháng nghị của VKS với cơ quan cùng cấp yêu cầu hủy bỏ các quyết định vi phạm pháp luật trong việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù	360	
- Số bản kháng nghị của VKS với cơ quan cấp dưới yêu cầu đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm pháp luật trong việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù	361	
- Số bản kháng nghị của VKS với cơ quan cấp dưới yêu cầu hủy bỏ các quyết định vi phạm pháp luật trong việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù	362	
Số bản kháng nghị được chấp nhận sửa chữa	363	
Số bản kháng nghị không được chấp nhận sửa chữa	364	
Số phạm nhân Viện kiểm sát kiểm sát việc xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù	365	
Số phạm nhân VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù	366	
<i>Trong đó:</i> Số phạm nhân VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù được chấp nhận	367	
Số phạm nhân được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù	368	
Số phạm nhân Viện kiểm sát đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù khác với đề nghị của cơ quan Công an	369	
<i>Trong đó:</i> Tòa án chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát	370	
Số phạm nhân Viện kiểm sát kiểm sát việc đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện	371	
Số phạm nhân Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện	372	
<i>Trong đó:</i> Tòa án chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát	373	
Số phạm nhân Viện kiểm sát kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị đặc xá	374	
Số phạm nhân Viện kiểm sát yêu cầu đưa ra khỏi danh sách đặc xá	375	
<i>Trong đó:</i> Số phạm nhân Viện kiểm sát yêu cầu đưa ra khỏi danh sách đặc xá được chấp nhận	376	
Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu trại giam, phân trại tự kiểm tra công tác thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát	377	
Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức tự kiểm tra công tác thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát	378	
Số lần VKS trực tiếp kiểm sát Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức trong thi hành án hình sự đã ban hành kết luận	379	
Số bản kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức	380	
Số bản kiến nghị được chấp nhận sửa chữa	381	
Số bản kiến nghị không được chấp nhận sửa chữa	382	
Số bản kháng nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức	383	
Số bản kháng nghị được chấp nhận sửa chữa	384	
Số bản kháng nghị không được chấp nhận sửa chữa	385	
Số người Viện kiểm sát tham gia xét rút ngắn thời gian thử thách đối với án treo	386	
Số người VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét rút ngắn thời gian thử thách đối với án treo	387	
<i>Trong đó:</i> Số người VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét rút ngắn thời gian thử thách đối với án treo được chấp nhận	388	
Số người được rút ngắn thời gian thử thách đối với án treo	389	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
Số người Viện kiểm sát tham gia xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ	390	
Số người VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ	391	
<i>Trong đó:</i> Số người VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được chấp nhận	392	
Số người được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ	393	
Số người Viện kiểm sát tham gia xét rút ngắn thời gian thử thách đối với tha tù trước thời hạn có điều kiện	394	
Số người VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét rút ngắn thời gian thử thách đối với tha tù trước thời hạn có điều kiện	395	
<i>Trong đó:</i> Số người VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét rút ngắn thời gian thử thách đối với tha tù trước thời hạn được chấp nhận	396	
Số người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được rút ngắn thời gian thử thách	397	
Số bản kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm	398	
Số bản kiến nghị được chấp nhận sửa chữa	399	
Số bản kiến nghị không được chấp nhận sửa chữa	400	
Số bản kháng nghị các quyết định của Tòa án	401	
<i>Trong đó:</i> - Số bản kháng nghị của VKS với Tòa án cùng cấp yêu cầu đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm pháp luật trong việc thi hành án hình sự	402	
- Số bản kháng nghị của VKS với Tòa án cùng cấp yêu cầu hủy bỏ các quyết định vi phạm pháp luật trong việc thi hành án hình sự	403	
- Số bản kháng nghị của VKS với Tòa án cấp dưới yêu cầu đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm pháp luật trong việc thi hành án hình sự	404	
- Số bản kháng nghị của VKS với Tòa án cấp dưới yêu cầu hủy bỏ các quyết định vi phạm pháp luật trong việc thi hành án hình sự	405	
Số bản kháng nghị được chấp nhận sửa chữa	406	
Số bản kháng nghị không được chấp nhận sửa chữa	407	
Số cuộc kiểm sát việc thực hiện kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu đã có kết luận	408	

Ngời lập biểu
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....ngày...tháng.....năm 20.....

VIỆN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)